

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 753/2020/DS-ST

Ngày: 30/9/2020

V/v “*tranh chấp hợp đồng  
thi công nội thất*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Kim Phụng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lê Hồng Hạnh.

2. Ông Lữ Hà Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Ánh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh:** Bà Lê Thị Tuyết Mai - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 882/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công nội thất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2020/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Quốc A, sinh năm 1956

Địa chỉ: 220/75 Đường S, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

*Bị đơn:* Công ty Cổ phần Kiến trúc H.

Trụ sở: 202 Đường T, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1978

Địa chỉ: 124/B7 Đường P, Phường G, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 11 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc A trình bày:*

Ngày 11 tháng 02 năm 2018, Công ty Cổ phần Kiến trúc H (gọi là Công ty H) có ký hợp đồng kinh tế số 001/2018/HĐ-TCNT với ông Nguyễn Quốc A (gọi là ông A). Nội dung là Công ty H nhận thi công nội thất nhà cho ông A, tại địa chỉ: 220/75 Đường S, Phường B, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh. Chi phí tạm tính là 374.207.000 (ba trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm lẻ bảy ngàn) đồng.

Ngày 12 tháng 02 năm 2018 ông Nguyễn Văn L (gọi là ông L) là người đại diện theo pháp luật Công ty H ký nhận tiền cọc thi công nội thất hợp đồng nêu trên với ông A, số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày ký nhận tiền cọc cho đến nay, ông L không thực hiện nội dung đã thỏa thuận. Nay ông A yêu cầu Tòa án buộc ông L là đại diện theo pháp luật Công ty H trả số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng mà ông L ký nhận ngày 12/02/2018. Đối với tiền lãi, ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông A khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ trên, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác để cung cấp cho Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty H không có yêu cầu phản tố. Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử. Ông L đã ký nhận thông báo thụ lý vụ án nhưng không đến Tòa cũng không có văn bản ghi ý kiến của ông L đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kiến nghị Tòa án về thời hạn giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203, thời hạn chuyển hồ sơ theo quy định khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về xác định quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự, Tòa án xác định có cơ sở theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 001/2018/HĐ-TCNT được ký giữa ông A và ông L là đại diện theo pháp luật Công ty H. Căn cứ giấy nhận cọc ngày 12/02/2018 ông L ký nhận, thể hiện ông L ký nhận tiền cọc nhưng không thực hiện nghĩa vụ thi công nội thất căn hộ, dù ông A nhiều lần liên hệ. Do Công ty H vi phạm hợp đồng nên ông A yêu cầu trả lại tiền cọc. Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ hợp đồng kinh tế số 001/2018/HĐ-TCNT ngày 11/02/2018, về việc thi công xây dựng nội thất căn hộ cho thuê giữa ông A và Công ty H, ký nhận tiền ngày 12/02/2018 của ông L, các chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của đương sự, có cơ sở xác định ông A có ký hợp đồng thi công xây dựng nội thất căn hộ cho thuê với Công ty H theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về thẩm quyền: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, địa chỉ trụ sở chính Công ty H tại số 202 Đường T, Phường N, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Do nơi bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông Nguyễn Văn L là đại diện theo pháp luật Công ty H tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông L vắng mặt, ông A nguyên đơn có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 001/2018/HĐ-TCNT ngày 11/02/2018 và ký nhận tiền cọc thi công nội thất của ông L, có cơ sở xác định ông A có yêu cầu thi công nội thất và giao tiền cọc.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ công văn số 426/ĐKKD-THKT ngày 16/01/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp thì Công ty H chưa đăng ký giải thể. Căn cứ xác minh ngày 13/12/2019 của Công an Phường N, quận Phú Nhuận: tại địa chỉ 202 Đường T không có Công ty H hoạt động kinh doanh. Do ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo pháp luật của bị đơn nên Tòa án niêm yết tại trụ sở và nơi cư trú của ông L.

Căn cứ hợp đồng kinh tế số 001/2018/HĐ-TCNT ngày 11/02/2018, ông A có ký hợp đồng thi công xây dựng nội thất căn hộ cho thuê với Công ty H. Giá trị hợp đồng tạm tính là 374.207.000 đồng. Nhưng từ khi ký hợp đồng cho đến nay. Công ty H không thực hiện đúng thời gian và tiến độ đã ký kết, cũng không giao sản phẩm thi công cho ông A. Dù ông A đã nhiều lần liên hệ và gửi thông báo. Do Công ty H vi phạm nên ông A khởi kiện.

Căn cứ giấy ngày 12/02/2018 do ông L là người đại diện theo pháp luật của Công ty ký có nội dung: tôi là Nguyễn Văn L có nhận tiền cọc thi công nội thất theo hợp đồng số 001/2018/HĐ-TCNT của chú Nguyễn Quốc A, số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng). Như đã phân tích, nội dung công việc của hợp đồng

hai bên chưa thực hiện, ông L là người đại diện Công ty ký nhận tiền cọc nên việc ông A yêu cầu Công ty H trả số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng là tiền cọc, trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

Ghi nhận việc ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi của số tiền 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về tố tụng và đề nghị về nội dung có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do vậy bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 280; Điều 351; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Công ty Cổ phần Kiến trúc H trả cho ông Nguyễn Quốc A số tiền 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Kiến trúc H phải chịu 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm ngàn) đồng.

Ông Nguyễn Quốc A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.538.000 (Bốn triệu năm trăm ba mươi tám ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2017/0042361 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Kim Phụng**